

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
-----000-----



LILAMA 3

kết liên sức mạnh ®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3
Địa chỉ : Lô 24+25 KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội
Năm báo cáo: 2013

Mê Linh, tháng 04 năm 2014

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012
/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố
thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ : Lô 24+25 KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

Năm báo cáo: 2013

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

Tên công ty:

Công ty Cổ phần LILAMA 3

Tên tiếng Anh:

LILAMA 3 Joint Stock Company

Tên viết tắt:

LILAMA 3.,JSC

Biểu tượng:



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

2600104526 (Đăng ký lần đầu ngày 22/06/2006
Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26/09/2011)

Vốn điều lệ:

51.500.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Địa chỉ:

L ô 24+25 KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

Điện thoại

04. 3 8182554

Fax

04. 3 8182550

Website

www.lilama3.vn

Mã cổ phiếu

LM3

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 3 là thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tiền thân là Công trường lắp máy C1 Việt Trì được thành lập vào ngày 01/12/1960. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển đến nay. Với hơn 1000 cán bộ nhân viên, công nhân kỹ thuật lành nghề cùng hệ thống thiết bị thi

công tương đối hiện đại, Công ty đã khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình trên thị trường từng bước hội nhập với sự phát triển của khu vực và thế giới. Với bề dày lịch sử phát triển hơn nửa thế kỷ, các dự án, công trình do Công ty đảm nhiệm thi công đã và đang hoạt động tốt mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho đất nước như: Nhà máy nhiệt điện : Phả Lại, Uông Bí, Phú Mỹ, Nhiệt điện BARH - Ấn Độ, Nhiệt điện An Khánh, Nhiệt điện Vũng Áng, ...; Thủy điện: Hoà Bình, Trị An, YALY, thủy điện Ngòi Phát; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng : Xi măng Chinfon Hải Phòng, Bim Sơn, Nghi Sơn, Bút Sơn, Cẩm Phả, Yên Bình, Yên Bái, Xi măng Sông Thao, Hồng Phong – Lạng Sơn; Nhà máy giấy Bãi Bằng, Việt Trì, Tissue Cầu Đuống, Nhà máy sản xuất hoá chất: Supe phốt phat lâm thao, Tuyển quặng Apatit Lao cai, Giấy Phương Nam, Nhà máy chế biến bột CACCO3 Bắc Kạn, các nhà máy công nghiệp thực phẩm : Rượu Bia Hà Nội, Rượu Bia Viger, Đường Quý Hợp, Bia Tiger, Dự án Đóng sông vận chuyển vật liệu cho Nhà máy Xi măng Yên Bình, Dự án Trung Tâm Hội nghị Quốc Gia, Trung tâm thể thao Quốc gia, Công trình Hon Đa Việt Nam, Nhà máy YAMAHA Việt Nam, nhà máy điện tử SANKOH Hoà Bình, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Chế tạo kết cấu thép SHIP RAIL cho Nhật, Chế tạo Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, Chế dầm thép cho công trình Cầu Nhật Tân, Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng, Nhà máy Gang thép Thái Nguyên Mở rộng....

Tháng 6/2006, Công ty đã thực hiện quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần LILAMA 3 với vốn điều lệ là 11,5 tỷ đồng, đến tháng 6/2007 công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 51,5 tỷ đồng. Theo định hướng chiến lược phát triển đến năm 2010 và các năm tiếp theo Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân. Cùng với sự đầu tư đúng hướng về con người Công ty còn quan tâm xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 nhằm đảm bảo chất lượng của các công trình đáp ứng những đòi hỏi khắt khe nhất của khách hàng. Với năng lực hiện có và kinh nghiệm thu được khi hợp tác với các tập đoàn lớn trên thế giới như ABB, Hyundai, Jacobsen, MaRuMeNi... để phát triển công ty trong những năm tới công ty luôn tìm và mở rộng các đối tượng khách hàng và các lĩnh vực kinh doanh mới như: Đầu tư hoàn thành Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc phục vụ cho thị trường sản xuất các sản phẩm cơ khí và các cấu kiện phục vụ cho các dự án xây dựng công trình lọc dầu, NM nhiệt điện, thủy điện, NM sản xuất giấy, xi măng, bên cạnh đó công ty cũng đang quan tâm tới công nghệ mới trong xây dựng nhà cao tầng với kết cấu dầm thép để tham gia sâu vào lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng hiện đại, ngoài ra công ty cũng tìm kiếm và mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang các đối tác nước ngoài như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức

Tháng 12 năm 2009 cổ phiếu của công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với:

Tên chứng khoán : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần LILAMA 3**

Mã chứng khoán : **LM3**

Số lượng cổ phiếu niêm yết : **5.150.000 cổ phiếu**

Việc thành lập các công ty con:

- Công ty Cổ phần LILAMA 3.4: Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3

- Công ty Cổ phần LILAMA 3.3: Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 3

- Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO được thành lập và được Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp giấy chứng nhận số: 012022000320 ngày 14/07/2010.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. *Ngành nghề kinh doanh:*

- ✦ Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ôxy, que hàn, đá...);
- ✦ Khảo sát, thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc
- ✦ Tư vấn thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực thực phẩm;
- ✦ Thi công xây dựng: San ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ....
- ✦ Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; công trình dân dụng (nhà ở) giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng; đường dây tải điện và trạm biến thế;
- ✦ Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy; trang trí nội thất công trình;
- ✦ Chế tạo và lắp đặt: Thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- ✦ Thiết kế, đóng mới tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn; sửa chữa các loại tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- ✦ Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- ✦ Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, xăng dầu, khí hóa lỏng và chất đốt các loại;
- ✦ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- ✦ Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ và đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường thủy, đường bộ

3.2. *Địa bàn hoạt động:*

Do tính chất đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty vì vậy các công trình, Dự án đơn vị thực hiện thường ở xa trụ sở. Hiện nay, Công ty đang thực hiện thi công rất nhiều các hạng mục công trình trọng điểm như:

- ✦ Tỉnh Hà Tĩnh: Dự án NM Nhiệt điện Vũng Áng 1 do Tập đoàn dầu khí Quốc gia làm chủ đầu tư
- ✦ Tỉnh Lào Cai: Dự án lắp dựng nhà máy tuyến quặng Apatit do Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam làm chủ đầu tư; Dự án Thủy điện Ngòi Phát do Công ty CP Phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) làm chủ đầu tư, Công trình Thủy Điện Nậm Tha do Công ty CP Phúc Khánh làm chủ đầu tư...
- ✦ Tỉnh Quảng Ninh: Dự án dây chuyền cán thép vì lò, thép hình đặc chủng do Công ty CP chế tạo máy Vinacomin làm chủ đầu tư

✚ Tỉnh Thái Nguyên: Xây dựng và lắp đặt Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Tisco do Công ty CP Gang thép Thái nguyên làm chủ đầu tư; Dự án Nhà máy nhiệt điện An khánh do Công ty CP Nhiệt điện An Khánh làm chủ đầu tư...

✚ Tỉnh Tuyên Quang: Công trình Nhà máy Giấy An Hòa

✚ Và một số địa bàn khác.

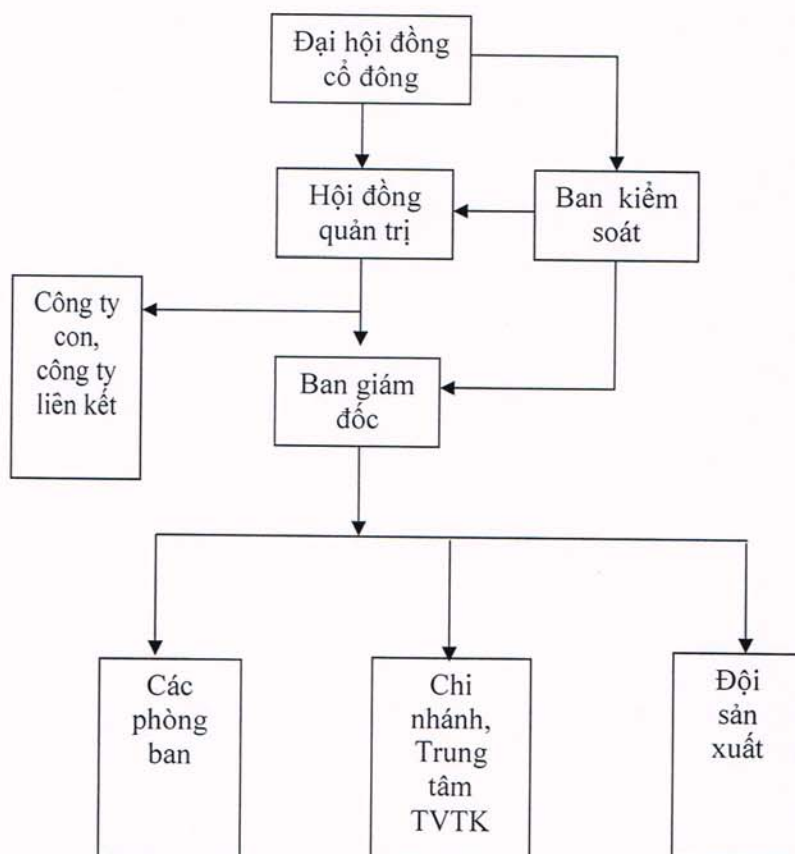
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty Mẹ được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Đại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu và người được cổ đông ủy quyền đều được tham dự ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

4.3. Các công ty con và công ty liên kết:

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.4:** Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3 và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2600658877.

+ Trụ sở chính: tại 931, Đại lộ Hùng Vương, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Đăng ký lần đầu, ngày 06/01/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17/06/2010 và thay đổi lần 4 ngày 10/02/2012 với Vốn điều lệ: 6.000.000.000.đồng (Sáu tỷ đồng) Công ty CP LILAMA 3 góp 51% vốn điều lệ tương ứng với: 3.060.000.000 đồng, các thể nhân khác góp 49% vốn điều lệ tương ứng với: 2.940.000.000.đồng.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, gia công kim loại; lắp đặt hệ thống điện nước; gia công cơ khí, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng, đường sắt, đường bộ; Kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xăng dầu và vật liệu xây dựng ...

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.3:** Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 3 và Giấy chứng nhận Kinh doanh được Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp.

+ Trụ sở chính: Lô 24 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Đăng ký lần đầu: Giấy chứng nhận số 0104489681 ngày 12/02/2010, thay đổi lần 1 ngày 24/03/2010 với số vốn điều lệ là: 9.500.000.000 đồng trong đó vốn do Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 4.845.000.000 đồng tương đương 51% số cổ phần chi phối, Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh góp 950.000.000 đồng tương đương 10% số cổ phần chi phối, các cổ đông khác góp 3.705.000.000 đồng chiếm 39% số cổ phần chi phối.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, các sản phẩm thiết bị gia dụng, các sản phẩm máy móc thiết bị; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng...

- Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO (Công ty liên doanh)

+ Địa chỉ: Lô 24, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Giấy phép kinh doanh số 012022000320-KD cấp lần đầu ngày 30/09/2012 với số vốn điều lệ là 11.400.000.000 đồng Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 5.814.000.000.000đ tương đương 51% VDL Công ty DAI NIPPON TORYO Nhật Bản góp: 5.586.000.000.000đ tương đương 49% VDL

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Thực hiện quyền nhập khẩu; quyền xuất khẩu; quyền phân phối buôn bán, bán lẻ các hàng hóa: Sơn, vecni làm từ các loại Polyme tổng hợp hoặc polymer tự nhiên; matit để gắn kính, ghép nối các vật liệu; thiết bị cơ khí để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực; các loại máy trộn, máy nhào, máy xay...

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty:

+ Mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh trong nước, khu vực và thế giới.

+ Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường chiến lược dọc theo hành lang Sông thao, khu vực lân cận và thị trường miền trung.

+ Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

+ Chú trọng khai thác tiềm năng chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu sản xuất, nâng cao tỷ trọng chế tạo thiết bị trong tổng doanh thu để giảm bớt các yếu tố rủi ro trong ngành xây lắp.

+ Đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu đối với một số lĩnh vực kinh doanh do các Công ty con đảm nhận: sản xuất kinh doanh sơn công nghiệp, kinh doanh vật tư và thương mại, dịch vụ bảo dưỡng và bảo trì các công trình công nghiệp....

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Năm 2013 mặc dù có một số tín hiệu tích cực như: lạm phát giảm, lãi suất cho vay của Ngân hàng đang có xu hướng giảm. Tuy nhiên nền kinh tế của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng vẫn còn rất khó khăn do chưa thoát khỏi ảnh hưởng của suy thoái kinh tế. Trong năm 2013, LILAMA 3 sẽ tiếp duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, khai thác tiềm năng chế tạo sản phẩm cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài, hợp tác liên doanh với các đối tác nước ngoài để thực hiện một số dự án thi công các công trình xây dựng cơ bản trong nước (Các nhà máy hóa chất, thủy điện, nhiệt điện, Giấy...)

Về dự án Nhà máy đóng tàu Bạch hạc: Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện cơ cấu tài chính các khoản nợ vay đầu tư của Dự án đồng thời thực hiện bàn giao đưa nhà máy vào hoạt động, thực hiện kiểm toán chi phí đầu tư dự án để có cơ sở tăng TSCĐ và tính toán hiệu quả chi phí đầu tư.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Là một đơn vị sản xuất sản phẩm xây lắp có chu kỳ sản xuất dài, sản xuất thi công tại các địa bàn khác nhau ở trong nước song LILAMA3 luôn luôn xác định mục tiêu: Đảm bảo về môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh phát triển mô hình cũng như tìm kiếm các nguồn lực sản xuất, Công ty luôn chú trọng tới việc vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên với những việc cụ thể như cung cấp nước sạch hợp vệ sinh và điều kiện môi trường nơi sinh sống, cải thiện điều kiện ở của công nhân tại các công trường; hạn chế sự gia tăng ô nhiễm, đồng thời tích cực phòng ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp. Với xã hội và cộng đồng, LILAMA3 luôn cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy với tất cả các bên hữu quan, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. LILAMA3 đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định của tất cả người lao động. LILAMA3 có rất nhiều mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp, nỗ lực tạo niềm tin và định hướng phát triển của Công ty trong tương lai với các đối tác.

6. Các rủi ro (Các rủi ro được trình bày cụ thể trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 – Mục VI: Báo cáo tài chính)

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

✚ *Hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Trong năm 2013 Công ty đã tập trung thi công một số các dự án như: Công trình NM giấy An Hòa, Công trình tại NM nhiệt điện Mông Dương 1, Sửa chữa đầu tư nâng cấp các dây chuyền sản xuất NM giấy bãi bằng của Tổng công ty Giấy VN, Công trình NM dệt Nam Định thuộc Công ty TCE Vina Denim, các hạng mục công trình Nhiệt Điện Vũng Áng 1, CT Bia Hà Nội, Công trình Dây chuyền sản xuất TKV – Vinacomin, các hạng mục công trình DAP2 – Vinachem ...

Trong năm 2013, kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán số liệu Báo cáo tài chính năm 2012 của đơn vị. Theo báo cáo của kiểm toán Nhà nước tổng doanh thu năm 2012 đạt được 168.690.969.819, đồng; Lợi nhuận sau thuế lỗ - 5.773.743.155, đồng.

Kết thúc năm tài chính 2013, theo kết luận của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) doanh thu đơn vị đạt 232.306.608.256, đồng, lợi nhuận sau thuế lỗ - 25.068.527.521, đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 và năm 2013 của đơn vị là số âm nguyên nhân do nền kinh tế trong nước vẫn tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, nhiều dự án đầu tư công bị trì hoãn, do Chủ đầu tư không bố trí được nguồn vốn hoặc thiếu vốn dẫn tới các công trình xây lắp mà đơn vị là một trong những nhà thầu đã và đang thi công bị ảnh hưởng trực tiếp. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị liên tục giảm, thu hồi vốn gặp rất nhiều khó khăn như dự án Shindong của Vinaline, dự án Gang thép thái nguyên, dự án Thủy điện tại Lào cai.... Mặt khác, do dự báo thị trường không chính xác và suy thoái kinh tế thế giới nên Dự án đầu tư Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu tại Bạch Hạc Phú Thọ với tổng chi phí đầu tư hơn 260 tỷ của đơn vị không hiệu quả, sản phẩm chế tạo nắp hầm hàng tàu biển của nhà máy đã bị thay đổi so với mục tiêu đầu tư ban đầu của dự án, đơn vị buộc phải lựa chọn thay thế sản phẩm như chế tạo phi tiêu chuẩn cho Nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng, chế tạo kết cấu thép khác... nhưng vẫn không đem lại hiệu quả, không thể bù đắp được chi phí lãi vay tăng cao và chi phí khấu hao của nhà máy. Điều này đã ảnh hưởng đến toàn bộ kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị trong những năm qua. Với nguyên nhân cơ bản trên nên Lợi nhuận sau thuế trong năm 2012 và năm 2013 của Công ty là số âm.

✚ *Sản lượng sản phẩm :*

Cơ cấu tỷ trọng doanh thu theo dòng sản phẩm

STT	Sản phẩm dịch vụ	Doanh thu năm 2013		
		ĐVT	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Lắp đặt thiết bị	Triệu đồng	139.323	59,97
2	Chế tạo thiết bị	Triệu đồng	82.121	35,35
3	Kinh doanh khác	Triệu đồng	10.863	4,68
	Tổng		232.307	100

✚ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 là năm tài chính thứ tám của Công ty cổ phần LILAMA 3 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Tổng doanh thu	: 232.306.608.256 đồng đạt 67,13 %
- Tổng lợi nhuận trước thuế	: -25.068.317.522 đồng
- Thu nhập bình quân người/ tháng	: 5,5 triệu đồng đạt 107,84 %

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành:

Ban điều hành Công ty hiện nay có một Tổng Giám đốc, bốn Phó tổng giám đốc điều hành (01 phó tổng đã nghỉ hưu trong năm 2013). Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết được thông qua hợp thức.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Thước	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/9/2013
Ông Trịnh Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Quốc Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2012

Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành công ty:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành – Tổng giám đốc công ty.

Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/10/1974
Số CMTND	012546316
Nơi sinh	Yên Bái
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xuân Lũng - Lâm Thao - Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	Tổ 70B-Láng Hạ-Đống Đa-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- Từ 09/1997 đến 10/2001: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội.
 - Từ 11/2001 đến 9/2003: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội.
 - Từ 10/2003 đến 3/2006: Phó Giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
 - Từ 04/2006 đến Tháng 7/2011: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.
 - Từ Tháng 9/2011 đến nay: Tổng giám Đốc Công ty CP LILAMA3
- Tổng Giám Đốc Công ty CP LILAMA3

Chức vụ công tác hiện nay

2. Ông: Đỗ Văn Thước- Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/08/1953
Số CMTND	1302260148
Nơi sinh	Hung Yên
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	V ăn Giang - Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Thọ Sơn - Việt Trì - Phú Thọ
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

- Từ 06/1976 đến 08/1993: Kỹ sư Xí nghiệp lắp máy số 3.
- Từ 09/1993 đến 07/1995: Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp lắp máy số 3.
- Từ 08/1995 đến 05/1998: Trưởng phòng kế hoạch, trưởng phòng kinh tế- kỹ thuật Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
- Từ 06/1998 đến 04/2006: Phó giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
- Từ 04/2006 đến 10/2008: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần LILAMA 3.

Chức vụ công tác hiện nay

- Từ 10/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần LILAMA 3
Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA3.

3. Ông: Nguyễn Tăng Phụng – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	27/12/1965
Số CMTND	011304477
Nơi sinh	Quảng Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 3-548/15 Nguyễn Văn Cừ-Long Biên-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	0210.3910.510
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	- Từ 08/1989 đến 05/1996: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 06/1996 đến 08/1998: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 09/1998 đến 07/2000: Phó trưởng đại diện LILAMA tại dự án Nhiệt điện Phả Lại. - Từ 08/2000 đến 04/2001: Học viên Trường đào tạo cán bộ ngành xây dựng. - Từ 05/2001 đến 09/2001: Trưởng đại diện LILAMA Granit Tiên Sơn. - Từ 10/2001 đến 09/2006: Phó Giám đốc Công ty chế tạo thiết bị và đóng tàu Hia Phòng. - Từ 10/2006 đến 09/2007: Phó giám đốc Ban quản lý dự án huyện Gia Lâm. - Từ 10/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

Chức vụ công tác hiện nay

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

4. Ông: Trịnh Xuân Thành – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/07/1974
Số CMTND	132031997
Nơi sinh	Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Bắc – Hà Trung – Thanh Hoá
Địa chỉ thường trú	TT Quỳnh Hợp - Quỳnh Hợp - Nghệ An
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	- Từ tháng 12/1996 Công tác tại Xí nghiệp cơ khí & Lắp máy – Công ty Lắp máy và XD số 3 (nay là Công ty CP LILAMA 3) - Từ tháng 3.2009 Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật – Cty CP LILAMA 3 - Từ tháng 7/2010 Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty

5. Ông Đỗ Quốc Đoàn – Phó tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/08/1979
Số CMTND	145036125
Nơi sinh	Mẽ Sở - Văn Giang – Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Văn Giang – Hưng Yên

Địa chỉ thường trú	Mẽ Sở - Văn Giang – Hưng Yên
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	- Từ tháng 1/2003 đến tháng 8/ 2003: Kỹ sư nhà máy Vinacafe - Từ tháng 8/2003 đến tháng 11/2003: Kỹ sư cơ khí Công ty V.A.P - Từ tháng 11/2003 đến tháng 3/2007: Kỹ thuật thi công Xí nghiệp LILAMA3.2 – Công ty CP LILAMA3 - Từ tháng 3/2007 đến tháng 1/2010: Phó giám đốc Xí nghiệp LILAMA3.2 - Từ tháng 01/2010 đến tháng 11/2013: Giám đốc xí nghiệp LILAMA3.2 - Từ tháng 12/2013 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA3
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA3 theo quyết định số 118 ngày 19/11/2012 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA3.

6. Ông Phạm Công Hoan - Kế toán trưởng:

Giới tính	Nam
Ngày sinh	20/08/1959
Số CMTND	164135741
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ 06/1977 đến 10/1982: Bộ đội C14D6E856- Quân khu 3.
- Từ 11/1982 đến 10/1984: Công nhân xí nghiệp lắp máy 69.
- Từ 11/1984 đến 07/1987: Học sinh trường trung học Xây dựng số I.
- Từ tháng 08/1987 đến 05/1994: Kế toán xí nghiệp lắp máy 69-1.
- Từ 06/1994 đến 11/1995: Phó phòng kế toán xí nghiệp 69-2.
- Từ 12/1995 đến 05/2002: Trưởng phòng Tài vụ công ty cơ khí lắp máy.
- Từ 06/2002 đến 12/2003: Trưởng phòng Tài vụ Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
- Từ 01/2004 đến 03/2006: Kế toán trưởng Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
- Từ 04/2006 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần LILAMA 3.

Chức vụ công tác hiện nay

Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Danh sách Ban điều hành Công ty:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Đại diện vốn Nhà nước		Sở hữu cá nhân		Biến động
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT – Tổng Giám Đốc	824.000	16%	69.301	1,346%	
2	Ông Đỗ Văn Thước	Phó tổng giám đốc			48.422	0.941%	
3	Ông Nguyễn Tăng Phượng	Phó tổng giám đốc			6.500	0,126%	
4	Ông Trịnh Xuân Thành	Phó tổng giám đốc			8.392	0,163%	

5	Ông Đỗ Quốc Đoàn	Phó tổng giám đốc			3.600	0,07%	
6	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	772.500	15%	72.648	1,41%	

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2013:

- Quyết định số 26/QĐ-TGD V/v nghi hưu để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội ngày 25/05/2013 của Ông Đỗ Văn Thước

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên trong năm:

+ Số lượng cán bộ công nhân viên bình quân năm 2013: 840 lao động

+ Chính sách đối với người lao động: Trong năm 2013 mặc dù kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng công ty vẫn đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, thanh toán lương hàng tháng và giải quyết kịp thời các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động, chú trọng và nâng cao đời sống cả về tinh thần và vật chất của cán bộ công nhân viên tại các công trường, 100% Công nhân vào làm việc tại công ty đều được ký hợp đồng lao động. Hàng năm, Công ty có tổ chức Hội nghị người lao động nhằm mục đích lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của người lao động về các chính sách lao động, thỏa ước tập thể từ đó Công ty đưa ra những chính sách phù hợp và có lợi ích nhất cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án; tình hình hoạt động và tài chính các công ty con, công ty liên kết:

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2013 Công ty cổ phần LILAMA3 tạm dừng thực hiện toàn bộ các dự án đầu tư mà chỉ tập trung hoàn thiện hồ sơ quyết toán các dự án, trong đó trọng điểm là dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu.

3.2. Tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, công ty liên kết:

1. Công ty cổ phần LILAMA3.4.

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2013 kết quả hoạt động SXKD và các chỉ tiêu kinh tế tài chính của công ty không đạt được như đã đề ra tại ĐHĐCĐ năm 2013 nguyên nhân do những khó khăn chung của nền kinh tế, lãnh đạo công ty có năng lực yếu kém không phát huy được vai trò chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Mô hình quản lý yếu kém còn tồn tại nhiều khuyết điểm chưa thể khắc phục. Do chính sách thắt chặt tín dụng, giảm đầu tư công của Chính phủ cùng giá các mặt hàng thiết yếu ngành xây dựng giá cả nguyên vật liệu biến động lớn; nhà nước điều chỉnh lương tối thiểu đồng thời công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn bị chậm nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Đến quý 4/2013, hầu như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bị ngừng hoạt động.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty CP LILAMA3.4:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Ghi chú
----------	-------------	--------------------	---------

- Tổng tài sản	Triệu đồng	34.694	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	19.039	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-8.523	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-271	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-8.794	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-8.794	
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng		

2. Công ty cổ phần LILAMA3.3

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2013 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Các chỉ tiêu kinh tế thực hiện năm 2013 không đạt được so với nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2013 như Doanh thu chưa thuế chỉ đạt 26,6%, Lợi nhuận trước thuế đạt 7,5%, số lao động bình quân sử dụng năm 2013 đạt 68,2%. Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch SXKD do cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty CP LILAMA3.3:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	47.912	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	29.294	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-10	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	53	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	43	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6	
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng	0	

- Kế hoạch SXKD năm 2014: Tiếp tục phát triển và tập trung vào các mục tiêu kinh tế như đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng bá thương hiệu; chú trọng nâng cao chất lượng, cải tiến kỹ thuật; khai thác tốt tiềm năng lợi thế của Nhà máy Bạch Hạc. Xây dựng và kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đặc biệt cần thực hiện các bước cần thiết nhằm thực hiện tái cơ cấu tài chính trong năm 2014 và lộ trình thoái vốn của Công ty mẹ đến năm 2015 để bảo nguồn vốn và quản lý tài chính cho hoạt động SXKD.

3. Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2013 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD cho nên kết quả không đạt được so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do giá bán cao hơn so với các đối thủ cạnh tranh, việc thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế và đối với một số đối tác là thành viên của LILAMA.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH LILAMA3 – Dai Nippon Toryo:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	32.199	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	40.187	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	309	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	7	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	302	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	225	

- Kế hoạch SXKD năm 2014: Công ty đang thúc đẩy kế hoạch xây dựng nhà máy sản xuất sơn và nhà kho thành phẩm, tạo dựng thị trường trong nước, thu hút các nhà đầu tư vào dự án nhà máy, đồng thời thúc đẩy việc thu hồi công nợ đối với khách hàng nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo lợi ích đối với cán bộ công nhân viên trong công ty.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng (+) /giảm (-)
- Tổng tài sản	676.253	717.021	6,03%
- Doanh thu thuần	168.690	232.307	37,7%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-6.322	-21.840	-445,5%
- Lợi nhuận khác	548	-3.228	-689,1%
- Lợi nhuận trước thuế	-5.774	-25.069	-534,2%
- Lợi nhuận sau thuế	-5.774	-25.069	-534,2%
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	0,74	1,01	
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,26	0,41	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,89	0,94	
- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	8,93	15,6	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	0,57	0,82	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,25	0,32	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	-0,034	-0,108	
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	-0,085	-0,583	
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	-0,009	-0,035	
- Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	-0,037	-0,094	
-			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. **Cổ phần:** Tổng số cổ phần của Công ty CP LILAMA3 đã phát hành là 5.150.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại là 5.150.000 cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
 - Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 0%
- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp: Không có.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 đã thông qua việc thay đổi người đại diện vốn Nhà nước và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, đến thời điểm hiện nay cơ cấu vốn góp của thành viên góp vốn trong nước trước đại hội cổ đông thường niên năm 2014 là:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gồm	124- Minh Khai - Hà Nội	2.626.500	26.265	51%
	- Ông Phan Kim Lân	Thọ Lão - HBT - HN	1.030.000		20%
	- Ông Nguyễn Tiến Thành	Đống Đa - Hà Nội	824.000		16%
	- Ông Phạm Công Hoan	TX. NBình – T. NBình	772.500		15%
2	Các tổ chức khác		296		
	Công ty CP chứng khoán MB	Tầng M3-7 số 3 Liễu Giai, Ba Đình, HN	63		
	Công ty CP chứng khoán FPT	71 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	98		
	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, Q1, TP HCM	30		
	Công ty CP chứng khoán Tân Việt	Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	14		
	Công ty CP chứng khoán đầu tư Việt Nam	Tầng 1, tòa nhà VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hn	33		
	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Tầng 1 và 5 Tào nhà Đào Duy Anh, Đống Đa, HN	58		
3	Sở hữu cá nhân		2.487.304		

3.1	Ông Vũ Văn Định	Hai Bà Trưng – HN	20.600	206	0,40%
3.2	Ông Phan Kim Lân	Hai Bà Trưng - HN	97.298	972,980	1,98%
3.3	Ông Phạm Công Hoan	P. Ninh Bình – TX. NBình – T. NBình	72.648	726,480	1,41%
3.4	Ông Đỗ Huy Vũ	Phú Thượng – Hà Nội	55.408	554.080	1,076%
3.5	Ông Nguyễn Tiến Thành	Đống Đa- Hà Nội	69.301	693.010	1,346%
3.6	Các cá nhân khác		2.172.049	22.080.270	42.87%
4	Cổ đông nước ngoài		35.900		
4.1	Tansho Hiroe	Japan	2.000		
4.2	Wataru Miyazawa	Japan	100		
4.3	Yukiyoshi Taguchi	Japan	20800		
4.4	Lix Wan Chu	Taiwan	13.000		

- Thông tin chi tiết về Cổ đông sáng lập là tổ chức:

TT	Tên cổ đông	Ngành nghề	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Chế tạo, xây dựng, lắp đặt	124- Minh Khai – HN	2.626.500CP	51%	Không

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập là cá nhân:

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Phan Kim Lân	1960	Đông Mác - Thọ Lão – HBT – Hà Nội	Tổng giám đốc	97.298	1,98%	Không
2	Đỗ Huy Vũ	1974	Phú Thượng – Hà Nội		55.408	1,076 %	Không
3	Phạm Công Hoan	1959	P Ninh Bình – TP Ninh Bình - Ninh Bình	Kế toán trưởng	72.648	1,41%	Không
4	Vũ Văn Định	1958	Phố Huế - Hai Bà Trưng – Hà Nội		20.600	0,4%	Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2013.

Ngay từ đầu năm mặc dù HĐQT và ban điều hành đã rất chủ động, quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn không đạt được kết quả như nghị quyết đã đề ra cụ thể.

Đvt: Triệu đồng					
TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Đạt (%) KH
1	Doanh thu chưa thuế VAT	Tỷ VND	346.032	232.307	67,13%
2	Nộp ngân sách	Tỷ VND	5.395	8.659	160,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	0.556	-25.069	
4	Thu nhập bình quân	Tr. VND	5.100	5.500	107,84%
5	LĐ sử dụng bình quân	Người	850	840	98,82%
6	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	0%

Đánh giá chung:

Năm 2013, do sự ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu cũng như nền kinh tế trong nước tiếp tục kéo dài sang năm 2013 và các năm tiếp theo. Đầu tư công trong năm 2013 của Nhà nước vẫn tiếp tục bị cắt giảm các dự án đầu tư trong nước. Tại các dự án đơn vị tham gia thi công xây lắp vẫn bị trì hoãn do chủ đầu tư không bố trí được vốn và nguồn vốn thanh toán, do vậy các chỉ tiêu kinh tế về Doanh thu không đạt kế hoạch, lợi nhuận trước thuế là số âm, lũy kế 2 năm 2012 và năm 2013 là -30.123.241.302 đồng (trong đó lỗ năm 2013 là 25.068.527.521, đồng)

Mặt khác trong thời gian 2008 -2012 Công ty triển khai và thực hiện công tác đầu tư nhà máy đóng tàu bạch hạc với tổng mức đầu tư hơn 260 tỷ đồng. Tuy nhiên do suy thoái kinh tế, sản phẩm đầu ra của nhà máy không được không được bao tiêu. Thị trường sản xuất sản phẩm cơ khí trong năm 2012 và năm 2013 gặp rất nhiều khó khăn. Chi phí lãi vay từ dự án và chi phí khấu hao của nhà máy bình quân mỗi năm lớn hơn 30 tỷ đồng. Sản phẩm đầu ra của nhà máy rất thấp và không thể bù đắp được các chi phí lãi vay và chi phí khấu hao, do đó đã ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận sau thuế của công ty.

Thực hiện tiến trình tái cơ cấu tài chính, trong năm 2013 công ty đã hoàn thành các thủ tục chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP LILAMA3 từ Ngân hàng Vietinbank – CN Đông Anh, Hà Nội sang Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) từ ngày 01/7/2013. Đồng thời, đơn vị tiếp tục triển khai các phần việc đã được thống nhất giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) và Công ty CP LILAMA3 trong đó có phương án tăng vốn điều lệ từ 51,5 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng theo phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ đối với cổ đông là Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) tham gia mua 3.000.000 cổ phần và Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) tham gia mua 1.850.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trong năm 2013, chủ đầu tư tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế. Việc thu xếp vốn làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện của dự án cũng như ảnh hưởng đến việc nghiệm thu, giải ngân vốn và nhiều dự án sang năm 2013 vẫn tiếp tục bị dừng thi công. Điển hình như các dự án: Dự án chế tạo sản phẩm nâng tàu cho Shingdong Digitech vẫn chưa thể thu xếp được vốn để tiếp tục triển khai dự án, công trình Gang thép Thái nguyên chủ đầu tư vẫn chưa thu xếp được nguồn vốn (kế hoạch doanh thu công ty năm 2013 >20 tỷ đồng không thực hiện được), công trình nhà xưởng Công ty Đồng Tháp chủ đầu tư thiếu vốn chậm nghiệm thu giải ngân và chậm tiến độ, Dự án Cầu suối Mường hoa...

2. Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý

- Phương án thực hiện tái cơ cấu mô hình tổ chức Công ty mẹ: Thực hiện tinh giảm biên chế và sáp nhập các phòng ban nhằm quản lý đồng bộ đã đem lại hiệu quả hơn.
- Việc khai thác nhà máy Bạch Hạc sau đầu tư: Do sản phẩm chính của nhà máy là nắp hầm hàng, đã không được khách hàng bảo tiêu nên để phát huy hiệu quả vốn đã đầu tư, khai thác và vận hành nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu việc giao cho Công ty cổ phần LILAMA 3.3 vận hành khai thác, chuyển đổi sản phẩm đầu ra theo phương thức cho thuê tài sản. Việc giao cho Công ty con quản lý là một chủ trương đúng đắn giúp phát huy tốt nhất hiệu quả của nhà máy, tuy nhiên do ảnh hưởng của tình hình kinh tế cũng như khả năng tài chính của LILAMA 3.3 chưa đủ mạnh do vậy hiệu quả khai thác sử dụng của nhà máy chưa đạt như mong muốn đề ra.

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2014 và trong tương lai:

3.1. Định hướng chiến lược năm 2014:

Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường chiến lược dọc theo hành lang Sông Thao, khu vực lân cận và thị trường miền Trung.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA 3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Chú trọng khai thác tiềm năng chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu sản xuất, nâng cao tỷ trọng chế tạo thiết bị trong tổng doanh thu để giảm bớt các yếu tố rủi ro trong ngành xây lắp.

- Đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu đối với một số lĩnh vực kinh doanh do các Công ty con đảm nhận: Sản xuất và kinh doanh sơn công nghiệp, kinh doanh vật tư và thương mại, dịch vụ bảo dưỡng và bảo trì các công trình công nghiệp,...

3.2. Kế hoạch SXKD năm 2014:

Trong bối cảnh tình hình chung như vậy, trên cơ sở khả năng và nội lực hiện tại của Công ty, phân tích các yếu tố và khả năng dự báo, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Ghi chú
1	Doanh thu chưa thuế VAT	Tỷ VND	232.307	317.436	
2	Nộp ngân sách	Tỷ VND	8,659	22.801	

3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	-25.069	-0,87	
4	Thu nhập bình quân	Tr. VND	5.500	5.800	
5	LĐ sử dụng bình quân	Người	840	740	
6	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	

- Trong năm 2014, HĐQT và ban điều hành chỉ đạo quyết liệt trong công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các dự án đơn vị thi công (bao gồm cả công tác thanh quyết toán các hợp đồng giao khoán các đơn vị nội bộ và công ty con).

- Tiếp tục ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014. Phấn đấu giữ vững thị trường chế tạo sản phẩm cơ khí, sửa chữa bảo dưỡng bảo trì các dự án NM xi măng, NM giấy và hóa chất đã thực hiện trong năm 2013 và các năm trước.

- Đảm bảo công ăn việc làm và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động
- Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra trong năm 2014
- Tiếp tục tham gia và đẩy mạnh công tác nghiên cứu đề án khoa học của Bộ xây dựng đưa ra về
- Ổn định thị trường xuất khẩu sản phẩm cơ khí, giữ vững mối quan hệ với các đối tác nước ngoài như GEDI, CRI, Hansol...

3.3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014

Trong năm 2013, HĐQT và ban điều hành sẽ tập trung thực hiện đề án tái cơ cấu và nâng cao năng lực quản trị, trong đó nhấn mạnh các vấn đề sau:

Về tổ chức:

- Tái cơ cấu mô hình quản lý bao gồm:
 - + Tái cơ cấu mô hình tổ chức Công ty mẹ: Mô hình quản lý tập trung được công ty phát huy có hiệu quả với 05 phòng ban nghiệp vụ, 1 chi nhánh, 3 xí nghiệp, 6 đội công
 - + Giảm biên chế khối gián tiếp, tăng năng suất và hiệu quả công việc phù hợp với mô hình quản lý tập trung và chuyển trụ sở vào trung tâm thành phố Hà Nội.
 - + Tái cơ cấu và giải thể công ty CP LILAMA3.4 trong năm 2014. Tiến hành công tác điều chuyển cán bộ trực tiếp và gián tiếp về làm việc tại Công ty mẹ.
 - + Nâng cao năng lực giám sát của ban kiểm soát nội bộ, xây dựng quy chế giám sát công tác giám sát nội bộ.
 - + Bổ sung quy chế quản trị của các phòng ban trên nền tảng các quy chế đã ban hành và ISO.

Về tài chính:

- Thực hiện tái cơ cấu công ty trong đó tập trung chuyển nhượng tài sản không cần dùng trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất tại NM cơ khí Quang Minh và một phần tại NM đóng tàu Bạch hạc cho các đối tác có nhu cầu sử dụng.
- Tăng vốn điều lệ từ 51,5 tỷ lên 100 tỷ đồng
- Thực hiện tiến trình thoái vốn ra khỏi công ty thành viên là Công ty CP LILAMA3.3 và Công ty CP LILAMA3.4.
- Xây dựng kế hoạch tài chính đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của

Công ty năm 2014 và các năm tiếp theo.

- Tăng cường công tác quản lý vốn, vốn lưu động, vốn trung hạn nhằm giảm chi phí lãi vay.
- Xây dựng quy chế quản trị nội bộ, bổ sung các quy định, quy chế quản lý về tổ chức, khen thưởng, quy chế khoán và quản lý tài sản.
- Quản lý chặt chẽ công nợ phải thu và công nợ phải trả.
- Kiện toàn bộ máy kế toán, thực hiện nghiêm túc chế độ kế toán quản trị để thường xuyên có được những thông tin trung thực, chính xác và đầy đủ về tình hình tài chính của doanh nghiệp để phục vụ cho việc phân tích và ra những quyết định quản lý.

4. **Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)** – *(Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Công ty

HĐQT đánh giá, với tình hình ngành xây lắp trong nước cũng như quốc tế gặp nhiều khó khăn kết quả kinh doanh tuy không đạt so với kế hoạch đề ra nhưng nhìn chung đây là một kết quả rất đáng khích lệ và đánh giá cao sự nỗ lực, chỉ đạo sát sao của Ban Điều hành, các phòng ban, đơn vị sản xuất và cố gắng nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty. Bên cạnh những chỉ tiêu đã đạt được như trong báo cáo, HĐQT công ty đã nghiêm túc nhìn nhận khuyết điểm và những tồn tại trong công tác điều hành và quản trị:

- Công tác dự báo còn chậm, chưa theo kịp diễn biến của nền kinh tế.
- Trong công tác điều hành về thi công, nghiệm thu, thu hồi vốn của Công ty còn có một số bất cập dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh chưa cao.
- Tổng mức vốn vay giảm so với các năm trước, tính không kịp thời trong phân bổ tài chính đã ảnh hưởng đến việc đầu tư cho sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chưa đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm công việc dẫn đến số dự án mới ký được còn hạn chế.
- Việc bố trí, sắp xếp mô hình, lực lượng sản xuất còn chưa hợp lý, chưa điều chỉnh kịp thời theo nhu cầu thực tế đặt ra.
- Đã quyết định đầu tư dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu sai thời điểm, chưa có phương án tốt nhất để khai thác và sử dụng cơ sở vật chất sau khi đầu tư. Chỉ đạo xử lý tái cơ cấu tài chính chậm, chưa quyết liệt. Chưa chỉ đạo sát sao, kịp thời, quyết liệt và có phương án dứt điểm việc quyết toán dự án dẫn đến việc kéo dài thời gian quyết toán của dự án.
- Trong bối cảnh thị trường công việc giảm sút đã không đầu tư đúng, đầy đủ, kịp thời cho công tác phát triển thị trường.
- Chưa chỉ đạo quyết liệt trong vấn đề nợ đọng lương của người lao động, vẫn để xảy ra tình trạng chậm lương trên 2 tháng.
- Tiến trình tái cơ cấu các Công ty mẹ, các công ty con chậm
- Chưa khai thác hiệu quả Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

- Các thành viên Ban giám đốc Công ty cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, báo cáo thông tin cho thành viên HĐQT độc lập, kịp thời đầy đủ, thường xuyên trao đổi với thành viên HĐQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

- Các thành viên ban giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của HĐQT

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- **Về mô hình quản lý:** Thu nhỏ lại mô hình quản lý; Hoạch định cơ cấu tổ chức nhân sự dài hạn; Lập kế hoạch đào tạo nhân lực, văn hóa doanh nghiệp; Tái cấu trúc nhiệm vụ, quyền hạn, chức năng của HĐQT, ban Tổng giám đốc, các phòng ban; Tăng cường vai trò và trách nhiệm người đứng đầu, ban kiểm soát; Lập quy chế quản trị nhân sự ngắn và dài hạn

- Về hệ thống quản trị:

+ Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con trong việc quản lý hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

+ Tăng cường hoạt động của Ban kiểm soát, nâng cao trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát để hỗ trợ Hội đồng quản trị vận hành tốt hơn, giúp Hội đồng quản trị ra quyết định dựa trên thông tin hiệu quả được xoay quanh các lĩnh vực kiểm soát chính: Chiến lược, phân bổ vốn, quản lý nhân sự và quản lý hiệu quả hoạt động.

+ Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro.

+ Phân bổ vốn theo chiến lược và đặt mục tiêu giám sát quản lý hiệu quả.

+ Phân cấp trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng của các cấp trong Công ty, củng cố các hoạt động chức năng của các phòng ban phù hợp với tình hình thực tế.

+ Hoàn chỉnh các quy chế, quy định quản lý đảm bảo cho công tác quản lý điều hành, kiểm tra kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực.

- Về thị trường và dòng sản phẩm:

+ Xây dựng nền tảng hướng tới mục tiêu trong các năm tới giảm dần tỷ trọng sản phẩm truyền thống, tăng dần tỷ trọng sản phẩm cốt lõi và công nghiệp phụ trợ

+ Nâng dần tỷ trọng hàng chế tạo cơ khí xuất khẩu

+ Nâng dần tỷ trọng sản phẩm chế tạo, dịch vụ bảo hành bảo trì, giảm dần tỷ trọng xây lắp

+ Xây dựng dòng sản phẩm chuyên môn cho từng nhà máy

+ Xây dựng thị trường trọng tâm bao gồm: Chế tạo và lắp đặt hệ thống ống khói, xử lý nước và lưu huỳnh trong các nhà máy nhiệt điện; Các dự án hóa chất, dầu khí, lọc dầu, giấy, chế biến thực phẩm; Các công trình ngành giao thông (cầu thép).

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị.

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Ông Phan Kim Lân- Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Ông: Nguyễn Tiến Thành - Thành viên Hội đồng quản trị (tại Đại hội đồng cổ đông năm 2011 kiêm Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/09/2011)
3. Ông Phạm Công Hoan - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty
4. Ông Đỗ Kim Bàng - Thành viên Hội đồng quản trị (tại Đại hội đồng cổ đông năm 2010)
5. Ông Đinh Tiến Thành - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc TT Tư vấn thiết kế, CN Công ty CP LILAMA3.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Đại diện vốn Nhà nước		Sở hữu cá nhân		Biến động
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông: Phan Kim Lân	Chủ tịch HĐQT	1.030.000	20%	97.298	1,89%	
2	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT – Tổng Giám Đốc	824.000	16%	69.301	1,346%	
3	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	772.500	15%	72.648	1,41%	
4	Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT	0	0%	6.174	0,12%	
5	Ông Đỗ Kim Bàng	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%	

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): Không

1.2. *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Năm 2013, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết đã ban hành. Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2013 của hầu hết các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận...đã không đạt được mà Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đã đề ra.

Trong năm 2013, HĐQT Công ty Cổ phần LILAMA 3 đã tiến hành các cuộc họp hàng quý, họp bất thường với sự tham gia đầy đủ các thành viên Hội đồng quản trị và triển khai lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản và đã ra một số nghị quyết nhằm có những chỉ đạo kịp thời về các nội dung sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	22/02/2013	Nghị quyết về việc thông qua các vấn đề có liên quan đến quá trình tái cấu trúc các công ty con là Công ty cổ phần LILAMA 3.3 và LILAMA 3.4
2	02/NQ-HĐQT	26/3/2013	Nghị quyết về việc quyết toán các dự án, hợp đồng tại Công ty cổ phần LILAMA 3.3 và LILAMA 3.4
3	03/NQ-HĐQT	25/4/2013	Nghị quyết về việc thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2013 và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013
4	04/NQ-HĐQT	18/7/2013	Nghị quyết về việc thống nhất cho Công ty cổ phần LILAMA 3.3 quản lý và điều hành nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu. Kiểm soát lao động và điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật
5	05/NQ-HĐQT	01/8/2013	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý II năm 2013 và các chỉ tiêu quý III năm 2013
6	06/NQ-HĐQT	12/9/2013	Nghị quyết về việc kéo dài thời gian phát hành tăng vốn điều lệ Công ty đến 12/9/2013
7	07/NQ-HĐQT	27/9/2013	Nghị quyết về việc thống nhất phương án xử lý tài sản tồn đọng không có nhu cầu sử dụng
8	08/NQ-HĐQT	01/10/2013	Nghị quyết về việc kéo dài thời gian phát hành tăng vốn điều lệ Công ty đến cuối tháng 11 năm 2013
9	09/NQ-HĐQT	08/12/2013	Nghị quyết về việc đồng ý chủ trương cho Công ty cổ phần LILAMA 3.4 chuyển nhượng nhà máy chế tạo cơ khí Bên Gót
10	10/NQ-HĐQT	09/12/2013	Nghị quyết về việc kéo dài thời gian phát hành tăng vốn điều lệ Công ty đến cuối tháng 3/2014 và thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên LILAMA 3.4 chuyển công tác sang LILAMA 3
11	11/NQ-HĐQT	31/12/2013	Nghị quyết về việc Công ty cổ phần LILAMA 3 là đầu mối chuyển nhượng nhà máy chế tạo cơ khí Bên Gót

1.3. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không
 Trong năm 2013, không có thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty.

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát của Công ty:

Các thành viên của Ban kiểm soát nhiệm kỳ Năm 2013 – 2016 Công ty CP LILAMA3 bao gồm

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % nắm giữ
Ông Tô Phi Sơn	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên Ban kiểm soát	500	0,010 %
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên Ban kiểm soát		

Vì lý do bản thân, Ông Nguyễn Văn Cúc đã có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty và nghỉ việc bắt đầu từ ngày 18/06/2013 theo Quyết định số 108/QĐ-TCHC ngày 18/06/2013 của Tổng giám đốc Công ty CP LILAMA3.

Kết thúc năm tài chính 2013, thành viên Ban kiểm soát còn lại bao gồm:

1. Ông Tô Phi Sơn - Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Trần Quốc Hùng - TV Ban kiểm soát

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013 như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao năm 2013
1	Tô Phi Sơn	Trưởng ban Kiểm soát	26.400.000
2	Nguyễn Văn Cúc	TV Ban kiểm soát	9.450.000
3	Trần Quốc Hùng	TV Ban kiểm soát	13.500.000
	Tổng cộng:		49.350.000

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013 như sau:

- Kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ; tình hình thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác trong năm 2013.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2013.
- Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 và thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Kiến nghị, kết luận của Ban kiểm soát trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu về Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh do Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 sau khi được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm Toán Việt Nam.

Năm 2013, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, Nhà nước cắt giảm đầu tư công, các Tập đoàn, Tổng công ty lớn bị ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế nên các dự án lớn mà Công ty đã ký hợp

đồng thi công bị chậm, gián đoạn hoặc ngừng thi công; các công trình thi công hoàn thành chậm nghiệm thu, quyết toán, thu hồi vốn với Chủ đầu tư. Mặt khác, do ảnh hưởng của đầu tư xây dựng cơ bản các dự án không tương ứng với vốn tự có, sản phẩm đầu ra từ các dự án được đầu tư không mang lại hiệu quả như mong muốn; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác kinh doanh thua lỗ mất hoàn toàn vốn chủ sở hữu cùng với ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất vay vốn ngân hàng và các tổ chức khác trong khi các chủ đầu tư chậm thanh toán khối lượng hoàn thành, công ty phát sinh vay vốn lớn làm tăng lãi vay đột biến với chi phí lãi vay 54,887 tỷ đồng chiếm 23,28% doanh thu, giá trị hàng tồn kho lớn 234,769 tỷ đồng chiếm 33,98 % tổng giá trị tài sản, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa quyết toán 130,88 tỷ đồng chiếm 18,25% tổng giá trị tài sản năm 2013 làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Do đó các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong năm 2013 của Công ty đều không đạt kế hoạch so với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã đề ra cho năm 2013.

Kiểm tra tình hình Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu thực hiện trong năm 2013 như sau

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ TH(%)
1	Giá trị sản lượng	Tr. đồng	381.032	254.097	66,7%
2	Doanh thu	Tr. đồng	346.261	232.306	67,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	556	-25.069	
4	Nộp ngân sách	Tr. đồng	5.395	8.659	160,5%
5	Tiền lương BQ tháng	Tr. đồng	5,1	5,5	107,8%
6	Lao động sử dụng bình quân	Người	850	840	

Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2013: Căn cứ Báo cáo kiểm toán số: 328/BCTC/TC ngày 29 tháng 03 năm 2014 của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam. Ban kiểm soát đã thẩm định và báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012

Kế hoạch kiểm soát năm 2014 của Ban kiểm soát

Nhiệm vụ chung:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2014, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ, thời gian thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất 1 tuần.

Nhiệm vụ cụ thể:

a. Quý I năm 2014:

- Xem xét các Báo cáo tài chính năm 2013;
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành ;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b. Quý II năm 2014:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2014;
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản;

- Các vấn đề khác.

c. Quý III năm 2014:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2014;
- Xem xét Báo cáo tài chính 6 tháng;
- Các vấn đề khác.

d. Quý IV năm 2014:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2014 và ước thực hiện cả năm 2014;
- Tình hình xử lý các vấn đề tồn tại;
- Các vấn đề khác.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 dự kiến sẽ được tổ chức vào tháng 5/2014. Thù lao của Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký HĐQT sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua như sau :

STT	Thành viên HĐQT/ thành viên/ Kiểm soát	Hệ số
1	Thành viên HĐQT, Trưởng BKS (05 người):	2,0 lần Lương tối thiểu/1tháng
2	Thành viên Ban kiểm soát	1,5 lần Lương tối thiểu/1tháng
3	Thư ký	1,0 lần Lương tối thiểu/1tháng

Trường hợp Chủ tịch HĐQT chuyên trách công tác sẽ không hưởng thù lao hàng tháng mà thực hiện chi trả trong phạm vi Quỹ lương kế hoạch năm 2014 được xây dựng về chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty nhà nước.

b. Giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ: Không

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty tiếp tục chỉ đạo xây dựng đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn đến năm 2020.
- Công ty cần có biện pháp đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các công trình, nhất là các khoản nợ đọng, các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản nợ tạm ứng nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Công ty cần đẩy nhanh thi công, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán, giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, tăng vòng quay vốn lưu động nhằm giảm khả năng thanh toán.
- Công ty cần tập trung chỉ đạo công tác quyết toán khoán của đơn vị, đẩy mạnh công tác khoán tới từng đơn vị, xí nghiệp, tổ, đội công trình. Xây dựng quy chế khoán phù hợp với thời điểm hiện nay.
- Công ty cần tập trung quyết toán dứt điểm Dự án nhà máy chế tạo cơ khí và Đóng tàu Bạch Hạc.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty còn phải đầu tư nhiều hơn cho việc phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ kinh doanh trong năm tới, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh trong tình hình xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.
- Đề nghị Đại hội cổ đông bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013 – 2016.

- Trong công tác lập báo cáo tài chính, tổ chức đại hội đồng cổ đông đề nghị công ty cần thực hiện theo đúng thời gian quy định tại điều lệ của Công ty, ủy ban chứng khoán cũng như theo yêu cầu về thời gian nộp báo cáo của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
- Xây dựng đơn giá tiền lương năm 2014 phù hợp, đúng quy định hiện hành. Chi phí tiền lương phải gắn liền với hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác kế hoạch, dự báo, hợp định kỳ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch kỳ tới nhằm chỉ đạo kịp thời thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mà Đại hội cổ đông đã thông qua

VI. Báo cáo tài chính

- Đơn vị kiểm toán độc lập

Tên công ty	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam
Tên viết tắt	AVA
Người đại diện	Thạc sỹ Nguyễn Minh Hải - Giám đốc
Trụ sở	Tầng 14 Tòa nhà HH3, KĐT Mễ Đình – Mễ Trì – Từ Liêm – Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	04. 38689566/588
Fax	04. 3 8686248
Website	Kiemtoanava.com.vn
Email	ava@kiemtoanava.com.vn

- Báo cáo tài chính năm 2013 bao gồm:

+ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán được đăng tải trên website <http://lilama3.vn/> của Công ty

+ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán được đăng tải trên website <http://lilama3.vn/> của Công ty.

Tháng 10 năm 2013, Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán số liệu Báo cáo tài chính năm 2012 tại Công ty cổ phần LILAMA3. Theo kết luận của Báo cáo kiểm toán Nhà nước đã có một số chỉ tiêu tài chính trong Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2012 đã được điều chỉnh, vì vậy số đầu năm (ngày 01/01/2013) trong Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam là số cuối năm 2012 (ngày 31/12/2012) theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước năm 2012.

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 329 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của
Công ty cổ phần LILAMA 3*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần LILAMA 3, được lập ngày 25/03/2014, từ trang 08 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2013, hệ số nợ phải trả ngắn hạn trên tài sản ngắn hạn là 0,97 lần. Lỗ lũy kế chiếm 65% vốn đầu tư của Chủ sở hữu. Kế hoạch phát hành bổ sung vốn theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/05/2013 của Đại hội

đồng cổ đông năm 2013 chưa thực hiện được. Với thực tế này của Công ty cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc tái cơ cấu tài chính và việc thanh quyết toán, thu hồi vốn từ các dự án đã và đang thi công.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần LILAMA 3 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu ý: Không làm thay đổi ý kiến của Kiểm toán viên, tính đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Dự án nhà máy đóng tàu Bạch Hạc của Công ty vẫn đang thực hiện kiểm toán để quyết toán. Ảnh hưởng của vấn đề này chưa được tính đến trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

TÓNG THỊ BÍCH LAN

P. Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0060- 2014 - 126 - 1

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Kiểm toán viên

Số iấy CNĐKHN kiểm toán 2349 - 2014 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THÀM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2014

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		449.561.631.095	435.365.689.699
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	12.971.244.049	12.604.508.888
1. Tiền	111		9.291.244.049	4.224.508.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.680.000.000	8.380.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		154.430.890.622	134.594.295.133
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	135.554.584.739	127.059.407.735
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	5.869.227.128	8.734.465.937
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	18.193.302.675	10.074.040.543
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5.186.223.920)	(4.273.980.082)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	270.285.971.328	274.380.187.117
1. Hàng tồn kho	141		270.323.525.356	274.906.843.803
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(37.554.028)	(526,656,686)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.873.525.096	13.786.698.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.306.047.470	875.349.573
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		393.062.888	1.574.227.141
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	10.174.414.738	11.337.121.847
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		319.551.121.444	315.038.876.236
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.826.782.209	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		18.826.782.209	-
II. Tài sản cố định	220		292.549.344.085	308.472.576.105
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	161.082.620.069	175.923.851.446
- Nguyên giá	222		218.560.299.299	223,678,906,793
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(57.477.679.230)	(47,755,055,347)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	469.955.462	622,395,970
- Nguyên giá	225		914,643,055	914,643,055
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(444.687.593)	(292,247,085)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	59.189.036	107,509,451
- Nguyên giá	228		135.265.000	175,265,000

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(76.075.946)	(67,755,549)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	130.937.579.518	131,818,819,238
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.174.995.150	6.566.300.131
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	8.174.995.150	6.566.300.131
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		769.112.752.539	750.404.565.935

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		721.805.750.088	672.236.994.708
I. Nợ ngắn hạn	310		435.352.431.204	543.179.325.470
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	201.830.008.724	295,934,638,095
2. Phải trả người bán	312	V.13	107.770.514.090	107,604,269,998
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	12.265.551.322	25.359.339.043
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	16.964.812.242	5.413.912.287
5. Phải trả công nhân viên	315		12.786.771.189	10,318,481,485
6. Chi phí phải trả	316	V.16	13.366.842.469	47,178,883,020
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ KH HỖXĐ	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	70.241.000.707	51.297.042.647
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		28.117.150	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		95.813.311	72,758,895
II. Nợ dài hạn	330		286.453.318.884	129,057,669,238
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	286.442.066.997	129,046,417,351
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		11.251.887	11,251,887
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.044.851.060	68.903.533.642
I. Vốn chủ sở hữu	410		40.044.851.060	68.903.533.642
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		51,500,000,000	51,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14,250,000,000	14,250,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-

4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.736.831.790	6,688.071.258
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		786.161.398	768,141,409
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		319.065.349	288,111,413
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(33.547.207.477)	(4.590.790.618)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ xếp hạng doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.262.151.391	9.264.037.765
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		769.112.752.539	750.404.565.935

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		3,049,171,783	3,049,171,783
5. Ngoại tệ các loại	007		18.230,29	7,364.45
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn (*)

Người lập biểu

Ninh Thị Vân

Mê Linh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.20	307.373.978.417	304.956.822.600
2. Các khoản giảm trừ	02	V.21	2.568.174	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	10	V.22	307.371.410.243	304.956.822.600
4. Giá vốn hàng bán	11	V.23	259.589.074.359	248.282.831.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		47.782.335.884	56.673.991.572
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.24	1.450.076.654	1.003.530.801
7. Chi phí tài chính	22	V.25	56.491.337.080	40.648.093.108
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.411.313.368	37.395.517.397
8. Chi phí bán hàng	24		796.097.160	1.705.586.855
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.107.413.252	20.795.315.208
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		(27.164.434.954)	(5.471.472.798)
11. Thu nhập khác	31	V.26	935.681.551	2.401.947.543
12. Chi phí khác	32	V.27	4.389.323.500	1.390.545.440
13. Lợi nhuận khác	40		(3.453.641.949)	1.011.402.103
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(30.618.076.903)	(4.460.070.695)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.28	114.765.459	210.972.090
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(30.732.842.362)	(4.671.042.785)
17.1. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		(1.865.620.120)	810.827.366
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		(28.867.222.242)	(5.481.870.151)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(5.605)	(1.064)

Người lập biểu

Ninh Thị Vân

Mê Linh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ HĐKD				
1. Tiền thu từ BH, CCDV và doanh thu khác	01		298.888.900.079	340,087,026,959
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(187.471.023.384)	(265.754.457.626)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(62.700.204.670)	(27,636,584,696)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(18.264.196.278)	(26,801,399,473)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(179.091.756)	(193,950,908)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.585.457.171	90,100.891.783
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38.647.862.013)	(99.269.458.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20		6.211.979.149	10,508,540,870
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21		(89.000.000)	(1,398,993,529)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		320.000.000	134,358,355
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(112,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		62.213.571	982,502,538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		293.213.571	(394,132,636)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		173.378.970.871	197,769,796,403
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(179.303.387.811)	207,542,660,302)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(214.040.619)	(633,869,888)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	40		(6.138.457.559)	(10,406,733,787)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		366.735.161	(292,325,553)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,604,508,888	12,896,834,441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		12.971.244.049	12,604,508,888

Người lập biểu

Ninh Thị Vân

Mê Linh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành

2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần LILAMA 3 được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Lắp máy và Xây dựng số 3 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ- BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22/6/2006. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 số 2600104526 ngày 26/9/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay thế cho đăng ký kinh doanh đã cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 51.500.000.000 đồng (Năm mươi một tỷ năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty Lô 24+25 Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

Các đơn vị trực thuộc:

a/ Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn thực góp/vốn đầu tư CSH	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Lilama 3.3	Lô 24+25 Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội	79,48%	51%
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương - TP Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ	59,36%	51%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Lô 24+25 Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội	51,00%	51%

b/ Các đơn vị trực thuộc và chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quan hệ
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ	Chi nhánh
Trung tâm Tư vấn Thiết kế	Lô 24+25 Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội	Chi nhánh

2. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, que hàn, đá,...)
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng (nhà ở,...) giao thông (nền đường giao thông, cầu, cống bê tông, chế tạo và lắp đặt kết cấu thép cho các công trình giao thông); công trình thủy lợi (kênh, mương, đê, kè, trạm bơm thủy lợi vừa và nhỏ); các công trình quốc phòng; đường điện và trạm biến thế;
- Trang trí nội thất công trình;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan, và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy (theo tuyến cố định và theo hợp đồng); Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường bộ, đường thủy..

3. Các sự kiện có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013

Tháng 6 và tháng 7 năm 2013, khoản vay ngắn hạn của Công ty tại ngân hàng VietinBank đã được chuyển nhượng sang Công ty mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC). Theo thỏa thuận ngày 12 tháng 09 năm 2012 ký 3 bên giữa Công ty Cổ phần Lắp máy 3, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH MTV và Công ty DATC, thì lịch trả nợ của Công ty CP Lắp máy 3 sẽ được cơ cấu lại như sau : số nợ phải trả trong năm 2013 và 2014 là 58,5 tỷ đồng, số nợ còn lại là 225,623 tỷ đồng sẽ được trả trong 03 năm tiếp theo.

Tháng 10 năm 2013 Kiểm toán Nhà nước đã có Biên bản kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty. Sau khi có Biên bản kiểm toán này, Công ty đã lập Báo cáo tài chính năm 2013 với số đầu kỳ được lấy theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (*Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp*);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (gọi chung là vật tư) để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập hợp và theo dõi các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

Chi phí đầu tư xây dựng được ghi nhận theo chứng từ chi phí thực tế phát sinh (hồ sơ chi phí thường bao gồm các chứng từ thanh toán, hợp đồng và biên bản nghiệm thu, quyết toán có xác nhận của chủ đầu tư, nhà thầu và các bên liên quan, và các giấy tờ liên quan khác,...)

Các chi phí trong quá trình đầu tư xây dựng được ghi nhận theo giá gốc. Các chi phí này bao gồm cả chi phí quản lý dự án và chi phí lãi vay có liên quan.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động

kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán (trên một năm tài chính);

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay";

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa trong kỳ 0%.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần

công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

18. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: đồng)

1 . Tiền	31/12/2013	1/1/2013
Tiền mặt tại quỹ	815.053.480	882.197.430
Tiền gửi ngân hàng	8.476.190.569	3.342.311.458
Các khoản tương đương tiền	3.680.000.000	8.380.000.000
Cộng	12.971.244.049	12.604.508.888
2 . Phải thu khách hàng ⁽¹⁾		
⁽¹⁾ Xem chi tiết tại phụ lục số 01		
3 . Trả trước cho người bán	31/12/2013	1/1/2013
- Công ty XD Hồng Hà	250.000.000	250.000.000
- Chi nhánh công ty Thăng Long	-	370.708.800
- Công ty cổ phần tư vấn giáo dục Việt Nam (EDUVIET)	129.500.000	129.500.000
- Công ty Ngọc Dân	-	389.733.442
- Công ty CPTM và XD Hoàng Trung	117.500.000	117.500.000
- Công ty Cổ Phần GAS PETROLIMEX	211.229.000	211.229.000
- Công ty cổ phần Ngọc Việt Linh	843.188.137	843.188.137
- Công ty TNHH Hà Quang	200.000.000	-
- HYUNDAI WELDING CO.LTD	266.887.715	-
- Các khoản trả trước cho người bán của Công ty CP Lilama 3.3	1.290.968.531	960.151.041
- Các khoản trả trước cho người bán của Công ty CP Lilama 3.4	474.482.393	1.372.334.188
- Công ty TNHH Kỹ thuật điện V.T.E.C.H	195.800.697	-
- Trả trước cho người bán khác	1.889.670.655	4.090.121.329
Cộng	5.869.227.128	8.734.465.937
4 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013	1/1/2013
- CF D/án nhà ở khu C1	153.312.727	153.312.727
- CN Công ty cổ phần LILAMA3 - Xí nghiệp Lilama 3.1	1.106.260.468	1.106.260.468
- CN Công ty cổ phần LILAMA3 tại Vĩnh Phúc	209.404.377	209.404.377
- Công ty cổ phần Ngọc Việt Linh	229.811.764	229.811.764
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và TM Mai Hưng	298.663.930	65.848.784
- Nguyễn Ngọc Quang (SH73)	354.627.692	343.953.023
- Nguyễn Thanh Tâm (SH90)	322.215.534	291.037.533
- Nguyễn Tiến Thành (SH859)	439.750.750	440.910.750
- Phan Kim Lân (SH007)	344.844.697	370.044.697
- Phải thu về chi vượt quỹ khen thưởng, phúc lợi	698.383.857	698.383.857
- Xí nghiệp LILAMA 3.4 (Nguyễn Ngọc Mai)	680.670.518	680.670.518
- Đỗ Huy Vũ (SH860)	403.594.899	414.262.897
- Đỗ Văn Thước (SH 002)	514.679.601	622.127.831
- Đội XD (Nguyễn Tiến Huy)	339.403.217	339.403.217
- Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp An Khánh	325.350.350	-
- Các khoản phải thu khác của Công ty CP Lilama 3.3	460.379.294	2.244.923.802
- Các khoản phải thu khác của Công ty CP Lilama 3.4	20.733.652	26.779.617
- Các khoản phải thu khác của Công ty TNHH Lilama 3 - DNT	299.769.576	6.701.200
- Các đối tượng khác	10.991.445.772	1.830.564.481
Cộng	18.193.302.675	10.074.401.543

5 . Hàng tồn kho

	31/12/2013	1/1/2013
Hàng mua đang đi đường ^(*)	33.229.227.066	33.222.575.256
Nguyên liệu, vật liệu	8.256.858.608	8.728.610.507
Công cụ, dụng cụ	631.820.295	115.522.211
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ^(**)	222.441.234.113	219.987.328.051
Hàng hóa	5.764.385.274	12.852.807.778
Cộng giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ	270.323.525.356	274.906.843.803
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(37.554.028)	(526.656.686)
Giá trị thuần hàng tồn kho cuối kỳ	270.285.971.328	274.380.187.117

^(*) Đây là giá trị vật tư nhập khẩu phục vụ cho công trình Sing Dong, công trình này đang tạm ngừng thi công. Hiện tại, Công ty mua bán nợ và Tài sản tồn đọng Doanh nghiệp (DATC) đang quản chấp lô hàng này do Công ty chưa đủ khả năng thanh toán.

6 . Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	1/1/2013
Tạm ứng	10.149.944.738	10.338.114.187
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.470.000	999.007.660
Cộng	10.174.414.738	11.337.121.847

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	105.460.651.086	83.248.176.597	32.063.053.567	2.907.025.543	223.678.906.793
Số tăng trong kỳ	2.212.820.056	30.000.000	131.297.200	-	2.374.117.256
- Mua trong năm	-	30.000.000	59.000.000	-	89.000.000
- Phân loại lại TS	2.212.820.056		72.297.200	-	2.285.117.256
Số giảm trong kỳ	44.070.769	5.532.247.273	25.900.000	1.890.506.708	7.492.724.750
- Thanh lý, nhượng bán	-	590.909.091			590.909.091
- Phân loại lại TS	-	2.285.117.256			2.285.117.256
- Giảm khác ^(*)	44.070.769	2.656.220.926	25.900.000	1.890.506.708	4.616.698.403
Số dư cuối kỳ	107.629.400.373	77.745.929.324	32.168.450.767	1.016.518.835	218.560.299.299
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.250.238.956	15.689.160.969	22.716.196.487	2.099.458.935	47.755.055.347
Số tăng trong kỳ	5.654.998.318	6.275.988.726	2.573.947.045	208.568.141	14.713.502.230
- Khấu hao trong kỳ	5.146.129.825	6.275.988.726	2.395.124.022	204.418.476	14.021.661.049
- Phân loại lại khấu hao	215.328.948		159.865.684	1.916.635	377.111.267
- Tăng khác	293.539.545		18.957.339	2.233.030	314.729.914
Số giảm trong kỳ	29.726.664	3.255.263.609	25.900.000	1.679.988.074	4.990.878.347
- Thanh lý, nhượng bán		336.363.636			336.363.636
- Phân loại lại khấu hao		377.111.267			377.111.267
- Giảm khác ^(*)	29.726.664	2.541.788.706	25.900.000	1.679.988.074	4.277.403.444
Số dư cuối kỳ	12.875.510.610	18.709.886.086	25.264.243.532	628.039.002	57.477.679.230
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	98.210.412.130	67.559.015.628	9.346.857.080	807.566.608	175.923.851.446
Tại ngày cuối kỳ	94.753.889.763	59.036.043.238	6.904.207.235	388.479.833	161.082.620.069

Trong đó:

^(*) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế tương ứng của tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

8 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	914.643.055	914.643.055
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	914.643.055	914.643.055
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	292.247.085	292.247.085
Số tăng trong kỳ	152.440.508	152.440.508
- Khấu hao trong kỳ	152.440.508	152.440.508
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	444.687.593	444.687.593
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	622.395.970	622.395.970
Tại ngày cuối kỳ	469.955.462	469.955.462

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	175.265.000	175.265.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	40.000.000	40.000.000
- Giảm khác (*)	40.000.000	40.000.000
Số dư cuối kỳ	135.265.000	135.265.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	67.755.549	67.755.549
Số tăng trong kỳ	43.875.970	43.875.970
- Khấu hao trong kỳ	43.875.970	43.875.970
Số giảm trong kỳ	35.555.555	35.555.555
- Giảm khác (*)	35.555.555	35.555.555
Số dư cuối kỳ	76.075.964	76.075.964
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	107.509.451	107.509.451
Tại ngày cuối kỳ	59.189.036	59.189.036

(*) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế tương ứng của tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	1/1/2013
Xây dựng cơ bản dở dang	130.937.579.518	131.818.819.238
- Xây dựng biển Quảng cáo	274.336.757	274.336.757
- Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc (*)	124.996.822.045	125.878.061.765
- Xây dựng xưởng sản xuất bột giấy Yên lập	577.910.298	577.910.298
- Xây dựng nhà máy chế tạo cơ khí, Xã Quang minh VP	3.843.423.349	3.843.423.349
- Đổ bê tông đối trọng cầu tháp	41.872.057	41.872.057
- Xây dựng hạ tầng khu C1	305.969.811	305.969.811
- Xây dựng nhà điều hành Quang Minh	839.972.474	839.972.474
- Công trình khác	57.272.727	57.272.727
Cộng	130.937.579.518	131.818.819.238

(*) Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc theo quyết định phê duyệt đầu tư và Tổng dự toán được phê duyệt của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu giai đoạn I và có tính đến giai đoạn II theo quyết định số 140/QĐ- HĐQT ngày 22/10/2009. Tổng mức đầu tư của dự án đối với giai đoạn I là 282.410.719.000 đồng với thời gian thực hiện từ quý IV năm 2008 đến quý III năm 2009. Hiện tại, dự án đang trong giai đoạn quyết toán vốn đầu tư.

11 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	1/1/2013
Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa chờ phân bổ	7.742.714.871	6.566.300.131
Giá trị còn lại của tài sản không đủ điều kiện là TSCĐ	432.280.279	-
Cộng	8.174.995.150	6.566.300.131

12 . Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	1/1/2013
Vay ngắn hạn	140.673.610.319	236.405.915.614
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT- CN Ba Đình ^(a)	95.441.853.299	90.186.274.572
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Đông Anh	-	87.118.655.466
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hùng Vương	-	6.395.342.929
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội- CN Hà Nội ^(b)	22.079.325.151	23.249.683.485
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Quang Minh	6.536.235.503	7.939.370.713
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Phú Thọ	8.345.761.166	12.363.720.786
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Nam Việt Trì	2.572.435.200	3.345.167.662
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV ^(c)	2.000.000.000	-
- Các cá nhân và đối tượng khác	3.698.000.000	5.807.700.001
Nợ dài hạn đến hạn trả	61.156.398.405	59.528.722.481
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT- CN Ba Đình	1.148.000.000	4.148.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Đông Anh	-	54.193.287.197
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- CN Đồng Đa	914.349.140	593.845.400
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	88.800.000	166.800.000
- Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP CT Việt Nam	17.749.265	231.789.884
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Nam Việt Trì	487.500.000	195.000.000
- Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng Doanh nghiệp (DATC) ^(d)	58.500.000.000	-
Cộng	201.830.008.724	295.934.638.095

(a) Hợp đồng tín dụng số 13.399106.01/HDHMTD ngày 03/07/2013 với hạn mức vay là 99 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo là Nhà xưởng, công trình xây dựng trên đất tại lô 24+25 KCN Quang Minh- Mê Linh- Hà Nội và một số tài sản khác theo yêu cầu của Ngân hàng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thanh toán các khoản chi phí hợp lý phục vụ cho công trình "Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng". Lãi suất cho vay được thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân.

(b) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2512/2013/HDHM-PN/SHBML-HN ngày 25/12/2013: hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân; tài sản đảm bảo là doanh số chuyển về từ tài khoản thanh toán của Công ty Cổ phần Lilama 3 mở tại Ngân hàng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghiệp vụ bảo lãnh, phát hành mở L/C.

(c) Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 080213/HĐVV/Lilama 3 ngày 08/02/2013 tổng số tiền vay 2 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 08/02/2013, lãi suất theo thông báo tại ngân hàng; không có tài sản đảm bảo; mục đích vay: thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên đang thi công tại Công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

(d) Nợ dài hạn đến hạn trả được phân loại từ Phải trả dài hạn khác theo Biên bản làm việc và thỏa thuận ngày 12/09/2012 ký 3 bên giữa Công ty CP Lilama 3, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Công ty Mua bán nợ và Tồn đọng Doanh nghiệp (DATC). Đây là số nợ phải trả trong năm 2013 và năm 2014.

13 . Phải trả người bán ⁽²⁾⁽²⁾ Xem chi tiết tại phụ lục số 02**14 . Người mua trả tiền trước**

	31/12/2013	1/1/2013
BQL công trình đường Quảng bình	271.688.861	271.688.861
Công ty CP Đầu tư và phát triển Dịch vụ Dầu khí (PISD)	2.040.000.000	-
Công ty CP chế tạo TB và DT Hải Phòng (LISEMCO)	1.146.105.090	1.146.105.090
Công ty Cổ phần Thủy điện SA PA	1.769.473.500	1.769.473.500
Công ty TNHH Hà Quang	1.779.600.000	1.829.600.000
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8/3	407.370.546	307.370.546
POLYSIUS VIETNAM Limited Liability Comany	-	657.501.525
Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát HN	-	152.625.098
Viện nghiên cứu thiết kế ĐL Quảng Đông (GEDI)	-	17.209.611.613
BQL dự án Công trình Giao thông Vĩnh Phúc	1.764.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước tại Công ty CP Lilama 3.3	403.859.939	188.006.085
Các khoản người mua trả tiền trước tại Công ty CP Lilama 3.4	1.212.850.000	783.210.000
Các đối tượng khác	1.470.603.386	1.044.146.725
Cộng	12.265.551.322	25.359.339.043

15 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	1/1/2013
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	15.622.010.998	4.247.597.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.897.730	427.052.819
Thuế thu nhập cá nhân	639.335.472	322.754.262
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	366.568.042	416.507.906
Cộng	16.964.812.242	5.413.912.287

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . Chi phí phải trả

	31/12/2013	1/1/2013
Chi phí phải trả về dự án đầu tư, các hoạt động thi công	8.833.970.144	13.616.465.357
Trích trước chi phí lãi vay	165.427.357	33.562.417.663
Trích trước chi phí tiền lương	4.367.444.968	-
Cộng	13.366.842.469	47.178.883.020

17 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	1/1/2013
Kinh phí công đoàn	1.797.449.697	1.581.750.148
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	14.110.991.034	7.343.114.576
Bảo hiểm thất nghiệp	1.020.457.887	641.705.109
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.675.625.021	31.785.137.377
- BQL D.án N/m XM Hải Phòng mới	500.000.000	500.000.000
- Chi phí D/án nhà ở khu C1	1.387.084.564	1.372.555.645
- Công ty Cổ Phần Hồng Mã	1.894.511.239	-
- Công ty Cổ Phần LILAMA3.3	-	112.813.409
- Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	400.000.000	400.000.000
- Các đơn vị lẻ ngoài công ty	1.224.003.841	1.258.845.841
- Nguyễn Đăng Cừ (HĐ vay số 01/HĐTV/LM3-NĐC)	100.945.742	44.166.667
- Ngân hàng Công thương Đông Anh (lãi vay phải trả)	-	4.973.424.914
- Ngân hàng công thương Nam Việt trì (lãi vay phải trả)	-	529.029.205
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (lãi vay phải trả)	15.412.082.302	10.089.094.353
- XN LM và CK 3-2 (Chính)	1.466.909.453	1.466.909.453
- Công ty TNHH Lilama 3 - DNT	268.480.003	-
- Đoàn phí công đoàn	1.020.557.669	629.246.274
- Các đối tượng khác	13.001.050.208	10.409.051.616
Các khoản phải trả, phải nộp khác (dư có TK 138 và TK 141)	16.636.477.068	9.945.335.437
Cộng	70.241.000.707	51.297.042.647

18 . Vay dài hạn và Nợ dài hạn

	31/12/2013	1/1/2013
Vay dài hạn	286.442.066.997	129.046.417.351
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT- CN Ba Đình	-	1.070.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Đông Anh	-	66.220.008.060
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- CN Đống Đa ^(e)	1.344.496.971	1.823.109.291
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Việt Trì	83.000.000	292.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Thăng Long	-	249.800.000
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam ^(f)	59.391.000.000	59.391.000.000
- Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng Doanh nghiệp (DATC) ^(g)	225.623.570.026	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	286.442.066.997	129.046.417.351

^(e) Hợp đồng vay dài hạn số 07400361522 ngày 20/8/2009, thời hạn vay là 8 năm, lãi suất vay được ghi nhận tại từng lần rút vốn và lãi suất vay sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2013 là 2.258.846.111 đồng trong đó vay dài hạn đến hạn trả 914.349.140 đồng.

^(f) Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc với hình thức vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay được thả nổi theo quy định của Ngân hàng thương mại.

^(g) Khoản phải trả Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng Doanh nghiệp (DATC) theo Biên bản thỏa thuận ngày 12 tháng 09 năm 2012 ký 3 bên giữa Công ty Cổ phần Lắp máy 3, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Công ty DATC, thì lịch trả nợ của Công ty CP Lắp máy 3 sẽ được cơ cấu lại như sau: số nợ phải trả trong năm 2013 và 2014 là 58,5 tỷ đồng, số nợ còn lại là 225,623 tỷ đồng sẽ được trả trong 03 năm tiếp theo.

19 . Vốn chủ sở hữu

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu ⁽³⁾

⁽³⁾ Chi tiết tại phụ lục số 03

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	1/1/2013
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	26.265.000.000	26.265.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	25.235.000.000	25.235.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

19.3. Cổ phiếu

	31/12/2013	1/1/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.150.000</i>	<i>5.150.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.150.000</i>	<i>5.150.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.867.222.242)	(5.481.870.151)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(28.867.222.242)	(5.481.870.151)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.150.000	5.150.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.605)	(1.064)

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

20 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu hợp đồng xây dựng	299.561.840.424	233.307.677.900
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.812.137.993	71.649.144.700
Cộng	307.373.978.417	304.956.822.600

21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013	Năm 2012
Giảm giá hàng bán	2.568.174	-
Cộng	2.568.174	-

22 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu thuần từ hợp đồng xây dựng	299.559.272.250	233.307.677.900
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	7.812.137.993	71.649.144.700
Cộng	307.371.410.243	304.956.822.600

23 . Giá vốn hàng bán		Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của hợp đồng xây dựng		255.640.763.847	184.945.266.975
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		3.948.310.512	63.337.564.053
Cộng		259.589.074.359	248.282.831.028
24 . Doanh thu hoạt động tài chính		Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		418.972.390	855.232.752
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		332.527.751	148.298.049
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		698.576.513	-
Cộng		1.450.076.654	1.003.530.801
25 . Chi phí tài chính		Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền vay		54.411.313.368	37.395.517.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		2.080.012.284	2.957.282.057
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		11.428	295.293.654
Cộng		56.491.337.080	40.648.093.108
26 . Thu nhập khác		Năm 2013	Năm 2012
Thu từ thanh lý tài sản cố định và bán phế liệu		652.859.091	2.401.947.543
Thu nhập khác		282.822.460	-
Cộng		935.681.551	2.401.947.543
27 . Chi phí khác		Năm 2013	Năm 2012
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý		254.545.455	1.390.545.440
Chi phí khác		4.134.778.045	-
Cộng		4.389.323.500	1.390.545.440
28 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		Năm 2013	Năm 2012
Chi phí thuế TNDN tính trên Thu nhập chịu thuế năm hiện hành		114.765.459	210.972.090
Điều chỉnh Chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-	-
Cộng		114.765.459	210.972.090
29 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		133.514.413.354	173.581.224.109
Chi phí nhân công		79.167.685.256	58.767.559.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định		14.909.818.708	7.122.688.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài		34.198.228.607	29.666.918.845
Chi phí khác bằng tiền		19.000.459.860	9.709.043.295
Cộng		280.790.605.785	278.847.434.610

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	7.669.870.314

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	11.068.582.970
			Phải trả người bán	(849.873.072)
2	Công ty Cổ phần Lilama 5	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	2.338.453.805
3	Công ty Cổ phần Lilama 10	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải trả người bán	(494.331.239)
4	Công ty Cổ phần Lilama 69-1	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải trả người bán	(27.100.000)
5	Công ty Cổ phần Lilama 69-2	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải trả người bán	(25.547.090)
6	Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải trả người bán	(224.450.692)
7	Công ty Cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	836.152.615
8	Công ty Cổ phần Lisemco 2	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	2.189.989.200
9	Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải trả người bán	(103.420.461)

***Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay/Cuối kỳ	Năm trước/ Đầu kỳ
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	42%	42%
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	58%	58%
<i>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</i>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	94%	90%
- Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	5%	9%
2. Khả năng thanh toán			
<i>2.1. Tổng tài sản/ Tổng nợ phải trả</i>	Lần	1,07	1,12
<i>2.2. Tổng tài sản LD và đầu tư ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,03	0,80
3. Tỷ suất sinh lời			
<i>3.1. Lợi nhuận/ doanh thu</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính + thu nhập khác	%	-9,63%	-0,89%
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính + thu nhập khác	%	-9,66%	-0,96%

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền lương
1	Phạm Kim Lân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.600.000	231.550.250
2	Đỗ Huy Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị	8.400.000	-
3	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	26.400.000	214.808.000
4	Phạm Công Hoan	Thành viên Hội đồng quản trị	26.400.000	145.019.500
5	Đỗ Kim Bằng	Thành viên Hội đồng quản trị	26.400.000	88.069.114
6	Đinh Tiến Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	18.000.000	51.000.000
7	Tô Phi Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	26.400.000	-
8	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên Ban kiểm soát	9.450.000	37.848.981
9	Phạm Khánh Thương	Thành viên Ban kiểm soát	6.300.000	19.202.488
10	Trần Quốc Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	13.500.000	49.910.743
11	Hoàng Trọng Kim	Thư ký	6.900.000	43.833.130
Tổng cộng			180.750.000	881.242.206

2 . Báo cáo bộ phận

2.1. Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2013		
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Xây dựng, lắp đặt	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.812.137.993	299.559.272.250	307.371.410.243
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	5.853.154.282	328.682.690.915	334.535.845.197
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.958.983.711	(29.123.418.665)	(27.164.434.954)
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	89.000.000	89.000.000
6. Tài sản bộ phận	41.394.331.972	693.051.459.093	734.445.791.065
7. Tài sản không phân bổ	-	-	34.666.961.474
Tổng tài sản			769.112.752.539
8. Nợ phải trả bộ phận	3.387.715.426	630.749.128.209	634.136.843.635
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	87.668.906.452
Tổng nợ phải trả			721.805.750.088

2.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực địa lý

Hiện tại hoạt động chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

3 . Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm vốn thuộc sở hữu của các chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.12.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013 đồng	1/1/2013 đồng	31/12/2013 đồng	1/1/2013 đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.971.244.049	12.604.508.888	12.971.244.049	12.604.508.888
Phải thu khách hàng	154.381.366.948	120.059.407.735	149.195.143.028	115.785.427.653
Phải thu khác	18.193.302.675	10.074.401.543	18.193.302.675	10.074.401.543
Cộng	185.545.913.672	142.738.318.166	180.359.689.752	138.464.338.084
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	107.773.514.090	107.604.269.998	107.773.514.090	107.604.269.998
Phải trả khác	70.241.000.707	51.297.042.647	70.241.000.707	51.297.042.647
Chi phí phải trả	13.366.842.469	47.178.883.020	13.366.842.469	47.178.883.020
Các khoản vay	488.272.075.721	424.981.055.446	488.272.075.721	424.981.055.446
Cộng	679.653.432.987	631.061.251.111	679.653.432.987	631.061.251.111

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá trên khả năng trả nợ của từng khách hàng, Công ty sẽ ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được.

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán đã niêm yết căn cứ vào giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba Công ty chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/6/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 31/12/2013 (được thuyết minh tại V.07).

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu sự rủi ro khi thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công cụ nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối kỳ	Dưới 1 năm đồng	Trên 1 năm đồng	Tổng cộng đồng
Các khoản vay	201.830.008.724	286.442.066.997	488.272.075.721
Phải trả người bán	107.773.514.090	-	107.773.514.090
Phải trả khác	70.241.000.707	-	70.241.000.707
Chi phí phải trả	13.366.842.469	-	13.366.842.469
Tổng cộng	393.211.365.990	286.442.066.997	679.653.432.987
Số đầu năm			
Các khoản vay	295.934.638.095	129.046.417.351	424.981.055.446
Phải trả người bán	107.604.269.998	-	107.604.269.998
Phải trả khác	51.297.042.647	-	51.297.042.647
Chi phí phải trả	47.178.883.020	-	47.178.883.020
Tổng cộng	502.014.833.760	129.046.417.351	631.061.251.111

Công ty nhận định mức độ rủi ro thanh khoản là tương đối cao. Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Đồng thời cũng đang làm việc với các chủ nợ để tái cấu trúc lại các khoản nợ của tổ chức tín dụng và khách hàng cho phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

4 . Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Thực hiện Nghị quyết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Hội đồng quản trị của Công ty CP Lilama 3 về việc tái cơ cấu các khoản đầu tư, Công ty CP Lilama 3 đang thực hiện thủ tục để thoái vốn tại Công ty CP Lilama 3.4. Đồng thời, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 1 phần tài sản trên đất gắn liền quyền sử dụng đất tại Nhà máy Đóng tàu Bạch Hạc trong Quý I năm 2014 và Công ty đã cho đối tác thuê một phần cảng bốc xếp hàng hoá và hành lang đặt tuyến ống ra cảng với diện tích 140m². Mặt khác, Công ty cũng đang xúc tiến hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng tài sản gắn liền quyền sử dụng đất tại Nhà máy Cơ Khí Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội.

Ngoài ra, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5 . Thông tin hoạt động liên tục

Hiện tại, Công ty gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh đặc biệt là hoạt động kinh doanh của dự án Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn nhưng Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty cũng không có ý định cũng như buộc tạm ngừng hoạt động liên tục hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Hiện tại trong năm 2013 Công ty đã ký được một số hợp đồng có giá trị lớn với các đối tác nước ngoài như Công trình Nhiệt Điện Mông Dương ký với Chimneys and Refractories International S.r.l của Ý với giá trị 62,5 tỷ; Công trình NM Giấy An Hòa với Hansol của Hàn Quốc với giá trị 100 tỷ; Công trình DAP2 Lào Cai với Công ty TNHH TOYO- Việt Nam của Thái Lan với giá trị 43 tỷ. Đồng thời, Công ty cũng được các Ngân hàng Thương mại hỗ trợ vốn lưu động để thi công các dự án nói trên với hạn mức 114 tỷ đồng. Và chúng tôi đã được Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng doanh nghiệp (DATC) giãn thời gian thanh toán nợ cho khoản vay hơn 225,623 tỷ đồng sẽ được thanh toán trong 3 năm từ năm 2015 đến năm 2017.

6 . Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2012 chuyển sang ngày 01/01/2013 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước.

Mê Linh, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ninh Thị Vân

Phạm Công Hoan

Nguyễn Tiến Thành

Phụ lục số 01: Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: đồng

Tên khách hàng	31/12/2013	01/01/2013
BQL DA N/m XM Thái nguyên - TCty XD Cnghiệp Vnam	5.201.796.775	5.326.545.744
BQL dự án Hangar 76 Nội bài	712.934.096	712.934.096
Công ty Đường-Rượu-Bia VT	338.335.028	338.335.028
Công ty điện nước Hải Hà	144.360.210	144.360.210
Công ty đường Linh Cảm Hà tĩnh	222.501.440	222.501.440
CR Int. S.R.L Việt Nam Branch (Alberto Pititu)	-	302.821.468
CT TNHH NN 1 thành viên Cấp Nước Phú Thọ	348.304.214	348.304.214
Công ty cổ phần xi măng Yên Bình	-	213.410.663
Công ty Cổ phần LILAMA5	2.338.453.805	2.338.453.805
Công ty Sứ Việt tri - Tổng Cty thủ tỉnh, gồm XD	-	265.264.096
Công ty TNHH cửa sổ nhựa Châu Âu	33.000.000	33.000.000
Công ty TNHH K.E.VINA	365.272.500	365.272.500
Công ty TNHH SHILLA -VINA	122.832.101	122.832.101
Công ty TNHH Sản xuất cầu trục công nghiệp AQA	764.071.919	764.071.919
Công ty CP ĐT & PT điện miền Bắc 2 - NEDI2	2.174.975.788	7.757.395.788
Công ty CP ĐTXD&PT năng lượng Phúc Khánh	3.443.099.135	431.192.873
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1	777.487.000	777.487.000
Công ty CP đầu tư và công nghiệp An Khánh	-	932.463.107
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV	5.709.476.833	5.395.920.594
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	4.213.208.267	6.146.805.965
Công ty Cổ phần giấy An Hòa	1.689.850.918	1.689.850.918
Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	5.283.708.000	5.283.708.000
Công ty Cổ phần Giấy Vạn Điểm	2.133.650.103	750.038.263
Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện	836.152.615	836.152.615
Công ty Cổ Phần LILAMA3.3	1.105.796.113	1.864.766.040
Công ty Cổ phần LILSEMCO 2	2.189.989.200	2.750.394.302
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	234.616.650	234.616.650
Công ty Cổ phần ĐT&XD Thành Nam	528.259.800	558.259.800
Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	1.027.882.745	1.027.882.745
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	-	181.705.549
Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam	-	1.054.379.600
Công ty TNHH Anh Khoa	139.386.652	139.386.652
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Bến Kèn	443.549.884	443.549.884
Công ty TNHH MTV Xây dựng và TM Mai Hưng	-	115.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	2.029.182.778	3.424.747.208
Công ty TNHH MTV Phiabjooc	2.734.255.662	3.067.273.162
ECC45-1	661.698.987	661.698.987
LOTTE ENGINEERING & CONSTUCTION CO., LTD	-	169.183.012
N/m XM Hà Giang	173.980.523	173.980.523
SUMITOMO MITSUI Contruction co.,LTD	315.378.479	315.378.479
Công ty Cổ phần thương mại xây dựng	485.500.694	485.500.694
Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	11.068.582.970	4.037.048.997
Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị	-	1.665.957.522
UBND huyện Tam Nông	346.538.000	346.538.000
Viện Nghiên cứu Cơ Khí	905.392.600	905.392.600
TCTy Đầu tư PT nhà & đô thị - HUD	4.031.028.522	-
Tổng công ty CP Bía - Rượu - Nước giải khát HN	2.558.617.063	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	551.925.000	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	573.606.111	-
Viện nghiên cứu thiết kế ĐL Quảng Đông (GEDI)	5.071.705.875	-
VPĐHCT tại tỉnh Tuyên Quang - Cty Hansol EME Co	16.891.091.413	-
Công trình Nhà máy Dệt	12.201.159.955	-
Các đối tượng khác	32.431.988.316	54.937.644.922
Cộng	135.554.584.739	120.059.407.735

Phụ lục số 02: Phải trả người bán

Đơn vị tính: đồng

Tên người bán	31/12/2013	01/01/2013
BQL DA N/m XM Thái nguyên - Tổng Công ty XD CM Việt Nam	-	124.748.969
CN-Cty CP Constrexim số 1- XN Xây Lắp số 3	333.399.346	333.399.346
Công ty CP Công Trình Đường Thủy VINAWACO	2.136.323.282	2.136.323.282
Công ty Cổ Phần thép Miền Bắc	-	432.070.123
Công ty TNHH Chống ăn Mòn Hoàng Long	949.029.800	864.979.800
Công ty TNHH Giải pháp KH&CN Việt Nam	-	782.802.459
Công ty TNHH MTV thiết bị cơ khí Duyên Thế Kỹ VN	3.533.327.461	3.533.327.461
Công ty TNHH Một thành viên XNK Kim Hoàng	1.712.110.310	2.052.000.310
Công ty TNHH Sản xuất cầu trục công nghiệp AQA	1.564.290.029	1.564.290.029
Công ty TNHH Quỳnh Khôi	306.110.900	385.976.000
Công ty Chiến Thắng	1.415.700.000	2.265.120.000
Công ty CP cơ điện lạnh và xây dựng Việt Tín	626.443.324	706.443.324
Công ty CP Máy và Thiết Bị Thủy Lực (MHY.,JSC)	1.577.000.000	2.297.619.455
Công ty CP thiết bị Công nghệ Châu á	127.174.010	377.174.010
Công ty CP Thép Tân Hưng	12.061.988.671	12.298.277.866
Công ty CP Xây Dựng Trường Thịnh	381.081.000	381.081.000
Công ty CP Xây dựng và kinh doanh nhà Vĩnh Phúc	664.006.205	794.006.205
Công ty cổ phần cơ điện Miền Trung	4.500.443.837	1.008.771.287
Công ty Cổ Phần Hồng Mã	19.087.382	4.971.993.189
Công ty Cổ Phần kinh Doanh Thép Hình	3.474.702.466	3.783.444.615
Công ty cổ phần LILAMA 10	494.331.239	494.331.239
Công ty Cổ Phần LILAMA3.3	26.703.589.668	25.857.873.876
Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	2.855.967.944	2.604.418.050
Công ty cổ phần SOLAVINA	261.621.598	454.420.786
Công ty cổ phần thép Vinh Đa Hà Nội	407.026.489	407.026.489
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	1.895.088.411	1.500.870.411
Công ty cổ phần xây dựng số 9 Thăng Long	543.611.592	543.611.592
Công ty TNHH Mạnh Dũng	716.292.811	753.427.711
Công ty TNHH Cơ Khí Chế tạo Việt Mỹ	94.729.557	365.529.557
Công ty TNHH Hệ thống Công nghiệp VN(INDECO)	319.272.101	319.272.101
Công ty TNHH LILAMA3-DNT(Mr Thành)	7.573.967.691	6.080.734.935
Công ty TNHH NN một thành viên khảo sát và XD	477.076.000	477.076.000
Công ty TNHH Quốc tế Sao Việt	990.149.748	990.194.057
Công ty TNHH Sơn Việt	308.457.540	308.457.540
Công ty TNHH Công nghiệp OKWON(Liên danh CT Dệt)	11.021.489.802	-
Công ty TNHH Thép Việt Hà	662.863.745	1.574.489.526
Công ty TNHH TM&SX Phương Linh	252.094.243	487.094.243
Công ty TNHH Trường Thành	704.999.999	779.999.999
Công ty TNHH Xuyên Hải	2.294.228.767	2.294.228.767
Công ty TNHH điện xây dựng Anh Minh	652.096.908	652.096.908
Công ty cổ phần công nghệ Năng Lượng Xanh	694.826.000	-
Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	849.873.072	-
Các đối tượng khác	11.617.641.142	19.565.267.481
Cộng	107.773.514.090	107.604.269.998

Phụ lục số 03: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	51.500.000.000	14.250.000.000	(2.633.596.875)	6.630.331.675	741.337.008	262.744.379	359.457.455	71.110.273.642
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	2.633.596.875	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	75.178.549	34.776.294	32.525.943	531.622.078	3.165.218.953
Lỗ năm trước	-	-	-	-	-	-	-	142.480.786
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	17.438.966	7.971.893	7.158.909	5.481.870.151	5.481.870.151
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	32.569.768
Số dư đầu kỳ	51.500.000.000	14.250.000.000	-	6.688.071.258	768.141.409	288.111.413	(4.590.790.618)	68.903.533.462
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	22.257.242	7.418.673	4.450.646	-	34.126.561
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh lại thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	28.867.222.242	28.867.222.242
Trích lập các quỹ	-	-	-	26.503.290	10.601.316	26.503.290	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	84.810.528	84.810.528
Số dư cuối kỳ	51.500.000.000	14.250.000.000	-	6.736.831.790	786.161.398	319.065.349	4.384.089	40.044.851.060

Ghi chú:

(*) Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2012 và nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 13/5/2013 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	26.503.290
- Trích quỹ dự phòng tài chính	10.601.316
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.503.290
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	21.202.632
- Chia cổ tức	-
Cộng	84.810.528

Mê Linh, Ngày 29 tháng 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Thành

